

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2025/HS-ST

Ngày: 23-6-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Do

2. Ông Lưu Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Quang-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Bưởi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ-Giới tính: Nam; Sinh ngày 22 tháng 7 năm 1994 tại Ninh Bình; Nơi ĐKKTT: Xóm E, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện tại: Làng D, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Thẻ CCCD: 037094002016 cấp ngày 25/9/2022; Nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Y; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Mỹ C và có một người con sinh năm 2023; Tiền án, Tiền sự: Không.

Từ ngày 24/11/2024 đến ngày 26/11/2024, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngày 28/11/2024, bị bắt, tạm giữ. Ngày 04/12/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Phân trại tạm giam Đak Đoa, Phòng PC11, Công an tỉnh G. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H1-Giới tính: Nam; Sinh ngày 13 tháng 7 năm 1996 tại Ninh Bình; Nơi ĐKKTT: Xóm E, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện tại: Làng D, xã C,

thành phố P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Thẻ CCCD: 037096004852 cấp ngày 25/9/2022. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Y; Bị cáo có vợ tên là Lê Thị Hồng T và có 01 người con sinh năm 2022; Tiền án, Tiền sự: Không.

Từ ngày 24/11/2024 đến ngày 26/11/2024, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngày 28/11/2024, bị bắt, tạm giữ. Ngày 04/12/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Phân trại tạm giam Đak Đoa, Phòng PC11, Công an tỉnh G. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị Ngọc T1-sinh năm: 1985; Trú tại: tổ A, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H-sinh ngày năm 1963; Trú tại: Làng D, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/10/2024, chị Lê Thị Ngọc T1 thuê Nguyễn Văn Đ trông coi rẫy cà phê tại thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, chị T1 không giao toàn quyền quản lý cho Đ mà Đ chỉ có nhiệm vụ trông coi, đếm và cân cà phê sau khi nhân công hái xong, mọi chuyện xảy ra tại rẫy cà phê thì Đ có trách nhiệm báo cáo lại cho chị T1 biết.

Tuy nhiên, từ ngày 24/11/2024 đến ngày 26/11/2024, Đ đã nhiều lần cùng em trai là Nguyễn Văn H1 hái trộm quả cà phê tại rẫy của chị T1, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 24/11/2024, biết những người làm thuê cho chị T1 không có lịch làm việc tại rẫy nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, Đ gọi điện thoại rủ H1 hái trộm quả cà phê thì Hiệp đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô biển số 86B1-156.02 đi đến vườn phê của chị T1, lấy 01 cái bạt và 04 bao màu đỏ ở nhà rẫy rồi đi hái quả cà phê. Khoảng 15 phút sau, nhờ Đ gọi điện thoại chỉ đường nên H1 điều khiển xe mô tô biển số 86B2-194.96 đến rẫy của chị T1; khi đến nơi, H1 gọi điện thoại cho Đ mở khoá cổng rồi cùng nhau đi hái quả cà phê. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, cả hai hái đầy 04 bao quả cà phê với tổng khối lượng 235 kg và khiêng ra chỗ để xe mô tô của H1. Sau đó, H1 điều khiển xe mô tô lần lượt chở 04 bao cà phê này về cất giấu tại nhà thuộc làng D, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Tại Kết luận định giá tài sản số 130/KL-HĐĐGTS ngày 02/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 04 bao chứa 235kg cà phê tươi trị giá 5.757.500 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 25/11/2024, Đ gọi điện thoại rủ H1 hái trộm cà phê, Hiệp đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển số 86B2-194.96 đến rẫy cà phê của chị T1. Trong khi đợi H1, Đ mang bạt và 02 bao màu đỏ ra hái trước. Khoảng 15 phút sau,

H1 đến rồi cùng Đ tiếp tục hái quả cà phê. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai hái được 02 bao cà phê có tổng khối lượng 130 kg. Sau đó, H1 điều khiển xe mô tô chở 02 bao này về cất giấu tại nhà.

Tại Kết luận định giá tài sản số 130/KL-HĐĐGTS ngày 02/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 02 bao chứa 130kg cà phê tươi trị giá 3.185.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 26/11/2024, Đ tiếp tục gọi điện thoại rủ H1 đi hái trộm quả cà phê, Hiệp đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển số 86B2-194.96 đến rẫy cà phê của chị T1. Trong khi đợi H1, Đ mang bát và 02 bao màu đỏ ra hái trước. Khoảng 15 phút sau, H1 đến rồi cùng Đ tiếp tục hái quả cà phê. Đến 14 giờ 30 phút, cả hai hái được 02 bao cà phê có tổng khối lượng 123kg. Sau đó, H1 điều khiển xe mô tô chở 02 bao này về cất giấu tại nhà.

Tại Kết luận định giá tài sản số 130/KL-HĐĐGTS ngày 02/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 02 bao chứa 123kg cà phê tươi trị giá 3.013.500 đồng.

Sau khi phát hiện bị mất trộm quả cà phê thì chị T1 đã làm đơn trình báo cơ quan Công an. Trên cơ sở lời khai của chị T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã triệu tập Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H1 lên làm việc. Tại đây, Đ, H1 khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như trên, đồng thời giao nộp 08 bao cà phê mà hai bị cáo cất giấu tại nhà thuộc làng D, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

* Vật chứng liên quan trong vụ án gồm:

- Đối với 08 bao cà phê, vỏ bao màu đỏ, miệng bao được khâu bằng dây màu đỏ với tổng khối lượng 488 kg cà phê tươi. Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Lê Thị Ngọc T1 là chủ sở hữu;

- Đối với xe mô tô biển số 86B1-156.02 nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius mà Nguyễn Văn Đ sử dụng để di chuyển đến địa điểm trộm cắp tài sản và xe mô tô biển số 86B2-194.96 nhãn hiệu Honda, loại Airblade mà Nguyễn Văn H1 sử dụng để vận chuyển tài sản trộm cắp. Qua điều tra, xác định hai xe mô tô này thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1963, trú tại Làng D, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai) là bố của Đ và H1; quá trình Đ và H1 sử dụng xe mô tô để trộm cắp tài sản thì ông H không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

- Đối với điện thoại di động hiệu OPPO A18 của Nguyễn Văn H1; điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax của Nguyễn Văn Đ và 01 đôi bao tay màu đen có viền cổ tay màu cam. Đây là phương tiện, công cụ phạm tội của các bị cáo nên chuyển đến Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp để xử lý theo quy định.

Về dân sự: Bị hại Lê Thị Ngọc T1 yêu cầu bồi thường số tiền 38.000.000 đồng là tiền hư hại cây cà phê và tổn thất tinh thần, tuy nhiên trong đơn xin xét xử vắng mặt bị hại không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS-H.ĐAK ĐOA ngày 21-3-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự,

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ với mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.
- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không

Biện pháp tư pháp: Không.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự, đề nghị:

-Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại di động hiệu OPPO A18 của Nguyễn Văn H1; điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax của Nguyễn Văn Đ;

-Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi bao tay màu đen có viền cổ tay màu cam.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với kết luận giám định, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Từ ngày 24/11/2024 đến ngày 26/11/2024 tại rẫy cà phê của chị Lê Thị Ngọc T1 thuộc thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, Nguyễn Văn Đ cùng Nguyễn Văn H1 đã lén lút ba lần thực hiện hành vi hái trộm quả cà phê của chị T1, tổng cộng 08 bao cà phê tươi với tổng khối lượng 488 kg trị giá 11.956.000 đồng.

Hành vi trộm cắp tài sản của người khác do bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H1 thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Tài sản mà các

bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 11.956.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Các bị cáo phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do các bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét đây là vụ án do nhiều bị cáo cùng thực hiện tội phạm nhưng không có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm cụ thể nên chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, Nguyễn Văn Đ là người khởi xướng và cùng Nguyễn Văn H1 trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo có vai trò chính trong vụ án, đối với bị cáo Nguyễn Văn H1 là đồng phạm, có vai trò thứ yếu hơn so với bị cáo Đ. Hội đồng xét xử xét thấy mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có phần hơi nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo dưới mức thấp hơn so với mức đề nghị của Viện kiểm sát để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt sớm trở về với gia đình rèn luyện thành công dân có ích cho xã hội, lao động phụ giúp gia đình và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về dân sự: Bị hại chị Lê Thị Ngọc T1 yêu cầu bồi thường số tiền 38.000.000 đồng là tiền hư hại cây cà phê và tổn thất tinh thần của gia đình chị, tuy nhiên trong đơn xin xét xử vắng mặt bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về vật chứng:

- Đối với 08 bao cà phê, vỏ bao màu đỏ, miệng bao được khâu bằng dây màu đỏ với tổng khối lượng 488 kg cà phê tươi. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Lê Thị Ngọc T1 là chủ sở hữu nên không đề cập giải quyết.

- Đối với xe mô tô biển số 86B1-156.02 nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius mà Nguyễn Văn Đ sử dụng để di chuyển đến địa điểm trộm cắp tài sản và xe mô tô biển số 86B2-194.96 nhãn hiệu Honda, loại Airblade mà Nguyễn Văn H1 sử dụng để vận chuyển tài sản trộm cắp. Qua điều tra, xác định hai xe mô tô này thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn H là bố của Đ và H1; quá trình Đ và H1 sử dụng xe mô tô để trộm cắp tài sản thì

ông H không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với điện thoại di động hiệu OPPO A18 của Nguyễn Văn H1; điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax của Nguyễn Văn Đ, là phương tiện, công cụ phạm tội của các bị cáo nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

-Đối với 01 đôi bao tay màu đen có viền cổ tay màu cam, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về các vấn đề khác:

Đối với ông Nguyễn Văn H là chủ sở hữu xe mô tô biển số 86B1-156.02 và xe mô tô biển số 86B2-194.96, khi Đ và H1 sử dụng hai xe mô tô này đi trộm cắp tài sản và cất giấu tài sản trộm cắp tại nhà, ông H không biết nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 06 (Sáu) tháng 26 (Hai mươi sáu) ngày tù, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 06 (Sáu) tháng 26 (Hai mươi sáu) ngày (từ 28/11/2024 đến 23/6/2025), như vậy bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn H1 nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

-Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng nhạt, số Imei 1: 350141782187593, số Imei 2: 350141782006314. Tình trạng điện thoại giao nhận: Máy không hoạt động.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, số imei 1: 862287060414331; số imei 2: 862287060414323. Tình trạng điện thoại giao nhận: Máy không hoạt động.

-Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi bao tay bằng len màu đen có viền cổ tay màu cam.

(*Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-5-2025 giữa Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Đoa*).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.